

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học: Rèn nghề 3- Quy hoạch - 01-209903

CBGD: Trần Văn Trọng (691)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09124001	TRẦN THỊ KIM	AN				7	7	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	● (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	09124002	TRẦN THỊ TRÂM	ANH				8	8	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	● (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	09124003	HUỲNH CAO THỊ NGỌC	ÁNH				7	6	6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	○ (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	09124004	HUỲNH XUÂN	BÁCH				7	5	5.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	○ (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	09113209	VƯƠNG VĂN	BẢNG				8	6	6.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	○ (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	09124143	HÀ SĨ	BỆ				8	1	3.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	○ (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	09124005	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH				7	4	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	● (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	09124006	HOÀNG VĂN	CÀNH				8	8	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	● (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	09157244	TRẦN THỊ KIM	CHUNG				7	5	5.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	○ (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	09124007	TRẦN THỊ	CÚC				8	5	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	○ (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	09124008	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỂM				7	5	5.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	○ (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	09124010	NGUYỄN SỸ	DỪNG				7	5	5.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	○ (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	09124009	VÕ THỊ MỸ	DUYẾN				7	3	4.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	○ (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	09124011	NGUYỄN THỊ BÍCH	ĐÀO				8	10	9.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	○ (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	09124012	HUỲNH HIỆP	ĐÌNH				8	8	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	● (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	09113212	HUỲNH NGỌC	ĐÌNH				8	8	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	● (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	09124014	NGUYỄN VĂN	ĐƯỜNG				7	7	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	● (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	09124016	LÊ VĂN CHÚC	EM				7	5	5.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	○ (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 10 tháng 08 năm 2013

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Trần Văn Trọng

Trần Văn Trọng

Lê Thanh Nguyễn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học: Rèn nghề 3- Quy hoạch - 01-209903

CBGD: Trần Văn Trọng (691)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09125242	VĂN	ĐH09QL				7	0	2.1	V (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0) 10 (0)	0 (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0)
20	09124021	NGUYỄN THỊ	ĐH09QL				1	5	5.9	V (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0) 10 (0)	0 (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0)
21	09124022	THÁI THỊ	ĐH09QL				7	10	9.1	V (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0) 10 (0)	0 (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0)
22	09124024	PHẠM TRUNG	ĐH09QL				9	6	6.6	V (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0) 10 (0)	0 (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0)
23	09124026	PHAN VIỆT	ĐH09QL				7	2	3.5	V (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0) 10 (0)	0 (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0)
24	09124027	LÊ VĂN	ĐH09QL				7	5	5.6	V (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0) 10 (0)	0 (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0)
25	09124028	HOÀNG THỊ	ĐH09QL				8	4	5.2	V (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0) 10 (0)	0 (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0)
26	09124029	LÊ	ĐH09QL				7	0	2.1	V (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0) 10 (0)	0 (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0)
27	09124034	NGUYỄN THỊ TUYẾT	ĐH09QL				7	10	9.1	V (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0) 10 (0)	0 (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0)
28	09124035	NGUYỄN DUY	ĐH09QL				7	8	7.7	V (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0) 10 (0)	0 (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0)
29	09124036	PHAN TRUNG	ĐH09QL				7	5	5.6	V (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0) 10 (0)	0 (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0)
30	09124037	VÕ XUÂN	ĐH09QL				7	9	8.4	V (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0) 10 (0)	0 (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0)
31	09124038	PHAN VĂN	ĐH09QL				8	8	8	V (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0) 10 (0)	0 (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0)
32	09124040	TRẦN THỊ OANH	ĐH09QL				8	5	5.9	V (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0) 10 (0)	0 (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0)
33	09124042	LÊ THỊ	ĐH09QL				8	8	8	V (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0) 10 (0)	0 (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0)
34	09124043	NGÔ THANH	ĐH09QL				8	9	8.7	V (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0) 10 (0)	0 (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0)
35	09124044	NGÔ TRƯỜNG	ĐH09QL				8	5	5.9	V (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0) 10 (0)	0 (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0)
36	09124045	PHAN HUYNH	ĐH09QL				7	8	7.7	V (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0) 10 (0)	0 (0) 1 (0) 2 (0) 3 (0) 4 (0) 5 (0) 6 (0) 7 (0) 8 (0) 9 (0)

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 14 tháng 03 năm 2013

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học : Rèn nghề 3- Quy hoạch - 01-209903

CBGD: Trần Văn Trọng (691)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09124047	VŨ HOÀNG LINH	DH09QL				7	7	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	● (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	09113214	LÝ THỊ KIM LOAN	DH09QL				7	5	5.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	09124049	NGUYỄN THỊ ANH LỘC	DH09QL				7	5	5.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	09124050	NGUYỄN TRUNG LỘC	DH09QL				7	8	7.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
41	09124052	HỒ MINH LUÂN	DH09QL				8	2	3.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	09124054	NGUYỄN THANH MÙI	DH09QL				8	5	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	09124056	LƯƠNG HỒNG NANG	DH09QL				7	4	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	● (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	09124057	HỒ THỊ TRÚC NGÂN	DH09QL				8	10	9.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	09124058	TRỊNH THỊ NGÂN	DH09QL				8	6	6.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
46	09124059	NGUYỄN ĐỨC NGHĨA	DH09QL				7	8	7.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
47	09124060	HUỖNH KIM NGOAN	DH09QL				7	4	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	● (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
48	09124061	TRẦN THỊ NGOAN	DH09QL				8	8	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	● (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
49	09124062	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	DH09QL				7	8	7.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
50	09124063	PHÙNG THỊ ĐAN NGỌC	DH09QL				8	8	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	● (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
51	09124064	PHẠM THỊ ANH NGUYỆT	DH09QL				7	4	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	● (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
52	09124066	VŨ THANH NHẬT	DH09QL				8	5	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
53	09124067	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	DH09QL				8	5	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
54	09116206	DƯƠNG BỒ NIÊN	DH09QL				8	5	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 17 tháng 03 năm 2013

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học: Rèn nghề 3- Quy hoạch - 01-209903

CBGD: Trần Văn Trọng (691)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	09124069	VŨ ĐỨC	DH09QL				8	8	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
56	09124070	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH09QL				7	8	7.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
57	09124072	PHẠM THANH	DH09QL				8	8	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
58	09124073	NGUYỄN DUY	DH09QL				7	8	7.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
59	09124074	PHẠM THỊ	DH09QL				7	6	6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
60	09124075	NGUYỄN NHƯ	DH09QL				7	4	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
61	09116207	THẠCH CHANH NA	DH09QL				7	5	5.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
62	09124078	HỒ THANH	DH09QL				7	8	7.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
63	09124079	PHẠM NGỌC MINH	DH09QL				7	8	7.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
64	09118033	TRIỆU THANH	DH09QL				8	4	5.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
65	09124086	NGUYỄN BỬU	DH09QL				7	8	7.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
66	09113218	SON THỊ NGỌC	DH09QL				7	6	6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
67	09124081	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	DH09QL				8	5	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
68	09124082	LÊ THỊ NGỌC	DH09QL				7	6	6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
69	09124084	LÊ THỊ THU	DH09QL				8	7	7.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
70	09124085	VÕ BẠCH	DH09QL				7	10	9.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
71	09124088	PHẠM QUANG	DH09QL				7	6	6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
72	09124087	TRẦN MINH	DH09QL				8	8	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài:.....; Số tờ:.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 11 tháng 03 năm 2013

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học: Rèn nghề 3- Quy hoạch - 01-209903

CBGD: Trần Văn Trọng (691)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	09124090	NGUYỄN TẤN	THÔNG				7	4	5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	09124091	BÙI ANH	THƠ				7	7	7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	09124092	NGUYỄN THỊ CẨM	THU				4	6	6.6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	09124093	PHẠM THỊ ĐỒNG	THU				7	5	5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	09124094	TRẦN THỊ YẾN	THU				8	8	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	09124097	NGUYỄN HOÀNG	THỨC				7	8	7.7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	09124096	BÙI THỊ THANH	THÙY				7	5	5.6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	09124095	NGÔ THANH	THÙY				8	8	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
81	09124098	ĐƯỜNG THỊ THANH	THÙY				7	5	5.6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
82	09124101	NGUYỄN MINH	TIẾN				7	8	7.7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
83	09124102	NGUYỄN HÙNG	TÍNH				7	9	8.4	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
84	09124103	NGUYỄN THỊ DUNG	TRANG				8	9	8.7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
85	09124104	NGUYỄN THỊ THỊ	TRANG				7	8	7.7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
86	09113219	DANH THỊ THÙY	TRÂM				7	2	3.5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
87	09124105	TRẦN TUYẾT	TRINH				7	7	7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
88	09124107	PHẠM ĐỨC	TRUYỀN				8	3	4.5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
89	09124111	LÊ THỊ CẨM	TÚ				8	10	9.4	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
90	09124112	PHẠM NGỌC	TÚ				8	8	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 11 tháng 03 năm 2013

15.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học : Rèn nghề 3- Quy hoạch - 01-209903

CBGD: Trần Văn Trọng (691)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
91	09124113	TRẦN THỊ CẨM TÚ	DH09QL				7	3	4.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
92	09124108	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	DH09QL				8	9	8.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
93	09124109	NGUYỄN ĐỨC TUYẾN	DH09QL				8	10	9.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
94	09124110	ĐẶNG THỊ ÁNH TUYẾT	DH09QL				8	5	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
95	09124114	PHAN VĂN TUÔNG	DH09QL				8	9	8.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
96	09124115	CHUỖNG THIẾT VĂN	DH09QL				8	4	5.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
97	09124116	TRẦN LÊ MINH VĂN	DH09QL				7	0	2.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
98	09124117	VŨ THỊ THÚY VI	DH09QL				8	7	7.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
99	09113220	HÀ QUỐC VIỆT	DH09QL				7	10	9.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
100	09124118	NGUYỄN QUỐC VIỆT	DH09QL				8	10	9.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
101	09124119	HOÀNG VĂN VINH	DH09QL				7	4	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
102	09113216	SƠN VISANA	DH09QL				7	8	7.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
103	09124122	NGUYỄN VĂN VÕ	DH09QL				7	10	9.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
104	09124123	CHÁU MINH VŨ	DH09QL				7	10	9.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
105	09116208	PHẠM THANH VŨ	DH09QL				7	6	6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
106	09124124	VÕ TUẤN VŨ	DH09QL				7	7	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
107	09124125	LÊ THỊ MỘNG XUYẾN	DH09QL				8	4	5.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
108	09124126	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	DH09QL				7	8	7.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài:.....; Số tờ:.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 11 tháng 03 năm 2013

Lưu ý: Cán bộ coi thi 1&2

Trần Văn Trọng

Trần Văn Trọng

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

CBGD: Trần Văn Trọng (691)

[illegible]

Số bài:.....; Số từ:.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2,
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 11 tháng 03 năm 2013

Lê Quốc Nguyễn

Tiến Văn Tuyến